

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: TRẦN QUANG BÌNH
- Năm sinh: ngày 14 tháng 1 năm 1972
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (năm, nơi cấp bằng): Tiến sỹ năm 2009 tại Đại học Tokushima, Nhật Bản
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư: Phó Giáo sư năm 2016, bổ nhiệm tại Viện Dinh dưỡng, Bộ Y tế
- Ngành, chuyên ngành khoa học: Y khoa

- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại: Trưởng Khoa Dinh dưỡng và Bệnh không lây nhiễm, Viện Dinh dưỡng, Bộ Y tế
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):
Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở Viện Dinh dưỡng năm 2017
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) : Không
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) : Không

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 0 sách chuyên khảo; 0 giáo trình.
- b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 5 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

- a) Tổng số đã công bố: 65 bài báo tạp chí trong nước; 44 bài báo tạp chí quốc tế.
- b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 5 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

CÁC BÀI BÁO TẠP CHÍ QUỐC TẾ ISI

1. Linh T.Duong, Cong Q.Chu, Phuong T.Nguyen, Son T.Nguyen, Binh Q.Tran (2023) Edge detection and graph neural networks to classify mammograms: A case study with a dataset from Vietnamese patients *Applied Soft Computing* 134. <https://doi.org/10.1016/j.asoc.2022.109974>. ISI/SCI. IF=8.263.
2. Tran Thu Ha Pham, Binh TranQuang, Chi Hieu Chu, Thi Quynh Nga Do, Hoang Anh Nguyen, Van Dinh Nguyen, Thanh Huong Phung (2022) Allopurinol-induced severe cutaneous adverse reactions in Vietnamese people: the role of class I HLA alleles in the interaction with other risk factors. *Pharmacogenomics*, ISSN: 1744-8042, Doi: <https://doi.org/10.2217/pgs-2021-0156>. IF= 2.533.
3. Tran Quang Thuyen, Dinh Hong Duong, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, Duong Tuan Linh, Pham Tran Phuong, Bui Thi Nhung & Tran Quang Binh* (2022) Incidence and prediction nomogram for metabolic syndrome in a middle-aged Vietnamese population: A 5-year follow-up study. *Endocrine*. <https://doi.org/10.1007/s12020-021-02836-5>. ISI/SCI. IF=3.633.
4. Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Tran Quang Thuyen, Duong Tuan Linh, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc (2021) High incidence of type 2 diabetes in a population with normal range body mass index and individual prediction nomogram, *Diabetic Medicine*. e14680. <https://doi.org/10.1111/dme.14680>. ISIQ1. IF=4.359.
5. Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Duong Tuan Linh, Tran Ngoc Luong, Le Danh Tuyen (2021) A simple nomogram for identifying individuals at high risk of undiagnosed diabetes in rural population. *Diabetes Research and Clinical Practice*. 180: 109061. <https://doi.org/10.1016/j.diabres.2021.109061>. ISIQ1. IF=5.602.
6. Tran Quang Binh*, Duong Tuan Linh, Le Thi Kim Chung, Pham Tran Phuong, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, Tran Quang Thuyen, Do Dinh Tung, and Bui Thi Nhung (2021) *FTO*-rs9939609 Polymorphism Is a Predictor of Future Type 2 Diabetes: A Population-Based Prospective Study. *Biochemical Genetics*. <https://doi.org/10.1007/s10528-021-10124-0>. ISI. IF=1.89.
7. Phan Le Thanh Huong , Pham Thu Hien , Nguyen Thi Phong Lan , Dao Minh Tuan , Dang Duc Anh , Tran Quang Binh* (2021) Clinical Patterns and Risk Factors for Pneumonia Caused by Atypical Bacteria in Vietnamese Children. *Indian Pediatrics*. Link <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/34390236/>. ISI. IF=1.411.
8. Phung TH* Pham TTH, Tran QB*, Sukasem C, Nguyen VD, Chu CH, Do TQN, Tran NPM (2021) A novel nested allele-specific PCR protocol for the detection of the HLA-A*33:03, a SCAR-associated allele, in Vietnamese people. *Asian Pacific Journal of Allergy and Immunology*. doi: 10.12932/AP-201120-1000. ISI. IF=2.31.
9. Nguyen Thi Hong Hanh, Bui Thi Nhung, Le Thi Hop, Le Thi Tuyet, Duong Thi Anh Dao, Nguyen Thi Trung Thu, Tran Quang Binh*. (2020) The APOA5-rs662799 polymorphism is a determinant of dyslipidemia in Vietnamese primary school children. *Lipids*. PMID: 32777089. DOI: 10.1002/lipd.12270. ISI. IF=1.80.
10. Nguyen Thai Son, Vu Thi Thu Huong, Vu Thi Kim Lien, Do Thi Quynh Nga, Tran Thi Hai Au, Phung Thi Thu Hang, Ha Thi Nguyet Minh, Tran Quang Binh* (2020) Antimicrobial Resistance Profile and Molecular Characteristics of *Staphylococcus aureus* Isolates from Hospitalized Adults in Three Regions of Vietnam. *Japanese Journal of Infectious Diseases*. 73(3):193. ISI. IF= 1.265

11. Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Tran Quang Thuyen, Duong Tuan Linh, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, and Le Danh Tuyen (2019) First Report on Association of Hyperuricemia with Type 2 Diabetes in a Vietnamese Population. International Journal of Endocrinology, vol. 2019, Article ID 5275071, 7 pages, 2019. <https://doi.org/10.1155/2019/5275071>. ISI. IF= 2.142
12. Nguyen Thai S, Vu HTT, Vu LTK, Do NTQ, Tran ATH, Tang NT, Le HNM, Tran BQ* (2019) First Report on Multidrug-Resistant Methicillin-Resistant Staphylococcus aureus Isolates in Children Admitted to Tertiary Hospitals in Vietnam. J Microbiol Biotechnol. 29(9):1460-1469 doi: 10.4014/jmb.1904.04052. ISI.IF= 1.882

CÁC BÀI BÁO TẠP CHÍ QUỐC TẾ KHÁC

13. Tran Thu Ha Pham, Quang Binh Tran*, Chonlaphat Sukasem, Van Dinh Nguyen, Chi Hieu Chu, Thi Quynh Nga Do, Ngoc Phuong Mai Tran, Thanh Huong Phung (2021) A Novel Allele-Specific PCR Protocol for the Detection of the HLA-C*03:02 Allele, a Pharmacogenetic Marker, in Vietnamese Kinh People. The Application of Clinical Genetics 2021:14:27-35. Scopus/PubMed.

CÁC BÀI BÁO TẠP CHÍ TRONG NƯỚC

14. Tran Chau Quyen, Nghiem Nguyet Thu, Pham Thang, Nguyen Trung Anh, Tran Quang Binh, Ngo Mai Phuong, Nguyen Quy Phong (2023) Height estimation using upper arm length and knee height in Vietnamese elderly. Vietnam Journal of Preventive Medicine. 33(3):78:85. Doi: <https://doi.org/10.51403/0868-2836/2023/1144>.
15. Quang Thuyen TRAN, Thi Thuy Nga BUI, Anh Ngoc NGUYEN, Quang Binh TRAN*. (2023) Development of a method for genotyping the *MTHFR* rs1801133 polymorphism in Vietnamese, using the polymerase chain reaction with confronting two-pair primers. Vietnam Journal of Nutrition and Food. 2023; 19(3E):16-22. Doi:10.56283/1859-0381/433
16. Nguyen Thi Trung Thu and Tran Quang Binh* (2022) Distribution of the *KCNJ11* E23K (rs5219) polymorphism in Vietnamese population and its association with hyperglycemia. Journal of Nutrition and Foods.18(2E):1-8. Doi:10.56283/1859-0381/104.
17. Trần Quang Thuyền, Đinh Hồng Dương và Trần Quang Bình* (2022) Ảnh hưởng của đa hình rs1501299 trên gen *ADIPOQ* đến khả năng hình thành hội chứng chuyển hóa ở người trung niên Việt Nam. Tạp chí Y học Dự phòng; 32(2):116-122.
18. Phạm Văn Doanh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Nguyễn Thúy Anh, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng thiếu vitamin A của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019. Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm. 17(4):1-9. ISSN: 1859-0381.
19. Trần Quang Bình* và Bùi Thị Nhung (2021) Đánh giá khả năng dự báo của một số công cụ phát hiện người có nguy cơ cao bị đái tháo đường tít 2 trên quần thể người Việt. Tạp chí Y học Dự phòng. 31(9):48-58.
20. Trần Quang Thuyền, Đinh Hồng Dương, Trần Quang Bình* (2021) Xây dựng quy trình PCR đa mồi phân tích kiểu gen của đa hình rs1501299 gen *ADIPOQ* ở người Việt Nam. Tạp chí Y dược học Quân sự. 46: 29–34. ISSN: 1859-0748.
21. Phạm Văn Doanh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Nguyễn Thúy Anh, Trần Quang Bình (2021). Tình trạng suy dinh dưỡng thể thấp còi và một số yếu tố

- liên quan đến trẻ gái từ 11-13 tuổi tại các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2018. Tạp chí Y học dự phòng. 31(3):96-102.
22. Phạm Văn Doanh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng thiếu vitamin D, kẽm của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019. Tạp chí Y học dự phòng. 31(9):274-282.
23. Phạm Văn Doanh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng nhân trắc của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019. Tạp chí Y học dự phòng. 31(9):235-243.
24. Phạm Văn Doanh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Nguyễn Thúy Anh, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng thiếu máu thiếu sắt của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019. Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm. 17(3):17-26. ISSN: 1859-0381.
25. Phạm Thị Bích Đào, Dương Tuấn Linh, Bùi Thị Thúy Nga, Nguyễn Ánh Ngọc, Trần Quang Thuyền, Trần Thị Lan Anh, Phùng Thanh Hương và Trần Quang Bình (2020) Tối ưu quy trình phân tích đa hình đơn nucleotid rs320 thuộc gen Lipoprotein lipase ở người Việt Nam. Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội. 65(3):123-129. 0868-3719
26. Trần Quang Thuyền, Đinh Hồng Dương, Trần Quang Bình* (2020) Hội chứng chuyển hóa và các yếu tố liên quan ở phụ nữ tuổi trung niên thừa cân vùng nông thôn, năm 2011. Tạp chí Y học Dự phòng 30(1):35-41.
27. Đỗ Nam Khánh, Vũ Thị Tuyền, Trịnh Thị Mỹ Định, Vũ Kim Duy, Nguyễn Thị Thu Liễu, Lê Thị Tuyết, Trần Quang Bình, Lê Thị Hương (2020) Mối liên quan giữa thực hành chăm sóc dinh dưỡng giai đoạn 1000 ngày đầu đời đến tình trạng béo phì ở trẻ mầm non quận Hoàng Mai, Hà Nội. Tạp chí Nghiên cứu Y học; 126(2):207-213.
28. Đỗ Nam Khánh, Vũ Thị Tuyền, Vũ Kim Duy, Nguyễn Thị Thu Liễu, Lê Thị Thùy Dung, Lê Thị Tuyết, Trần Quang Bình, Lê Thị Hương (2020) Mối liên quan giữa đặc điểm chăm sóc của người mẹ với thừa cân béo phì ở trẻ mầm non huyện Đông Anh – Hà Nội, Tạp chí Y học Việt Nam, 490(2):4-7.
29. Đỗ Nam Khánh, Vũ Thị Tuyền, Vũ Kim Duy, Trịnh Thị Mỹ Định, Lê Thị Thùy Dung, Lê Thị Tuyết, Trần Quang Bình, Lê Thị Hương (2020) Thực trạng thừa cân béo phì và một số yếu tố liên quan ở nhà của trẻ em mầm non huyện Đông Anh, Hà Nội năm 2019. Tạp chí Y học Dự phòng 30(1):88-94.
30. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Trần Quang Bình* (2019) Đa hình đơn nucleotid APOC3 rs2854116 liên quan đến rối loạn cholesterol tổng số ở trẻ em tiểu học Hà Nội. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. 35(2):78-86.
31. Đỗ Văn Lương, Nguyễn Đỗ Huy, Lê Danh Tuyên, Trần Quang Bình, Trần Ngọc Lương, Đỗ Thị Thanh Vân, Phạm Mai Anh, Trần Ngọc Lương, Bùi Thị Nhung (2019). Hiệu quả can thiệp bằng gạo lứt nảy mầm hỗ trợ kiểm soát glucose máu và lipid máu ở người bệnh đái tháo đường typ 2 có hội chứng chuyển hóa. Tạp chí Y học Dự phòng. 29(5): 44-52.
32. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Như Trang, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Trần Quang Bình, Đỗ Nam Khánh, Nguyễn Thị Trung Thu, Lê Thị Tuyết (2019) Tối ưu hoá quy trình phân tích kiểu gen và xác định tần số đa hình rs4994 trên gen ADRB3 ở trẻ 3-5 tuổi tại Hà Nội. Tạp chí Khoa học trường Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Y Dược, 35(1): 104-111.

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì, chủ nhiệm: 3 cấp quốc gia; 0 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 5 năm liên kế với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài):

T T	Tên chương trình, đề tài	C N	T G	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Nghiên cứu thuần tập 5 năm về bệnh đái tháo đường tít 2 và hội chứng chuyển hoá ở người Việt Nam: vai trò yếu tố di truyền và lối sống	X		Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) Mã số 106- YS.01-2015.10	2016- 2021	13/9/ 2021	Đạt

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: 0 sáng chế, 1 giải pháp hữu ích
- Tổng số có: 0 tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: 0 thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp):

✚ **Bằng độc quyền giải pháp hữu ích.** Số hiệu: 3214 do Cục sở hữu trí tuệ cấp.

Tác giả: Phùng Thanh Hương, Phạm Trần Thu Hà, Trần Quang Bình.

Công trình: Bộ mồi dùng để phát hiện và phân biệt thể đồng hợp tử và dị hợp tử của alen HLA-C*0302 và phương pháp PCR đặc hiệu alen (AS-PCR) sử dụng bộ mồi này.

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 3 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 5 năm liên kế với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn):

Stt	Họ và tên nghiên cứu sinh	Đề tài luận án	Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ thành công	Vai trò hướng dẫn
1	Trần Quang Thuyền	Nghiên cứu tỷ lệ mới mắc hội chứng chuyển hóa và một số yếu tố liên quan đến lối sống, di truyền ở người trung niên tại tỉnh Hà Nam	Học viện Quân Y 103	2023	Hướng dẫn chính
2	Phạm Trần Thu Hà	Xây dựng quy trình phát hiện 3 allele HLA lớp 1 và đánh giá mối liên quan với nguy cơ phản ứng có hại trên da nghiêm trọng của Allopurinol ở người Kinh Việt Nam	Trường Đại học Dược Hà Nội	2023	Hướng dẫn phụ
3	Đỗ Nam Khánh	Nghiên cứu thực trạng thừa cân, béo phì và một số đặc điểm gen, thói quen dinh dưỡng, hoạt động thể lực ở trẻ mầm non	Trường Đại học Y Hà Nội	2021	Hướng dẫn phụ

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

- ✦ Linh T.Duong, Cong Q.Chu, Phuong T.Nguyen, Son T.Nguyen, Binh Q.Tran (2023) Edge detection and graph neural networks to classify mammograms: A case study with a dataset from Vietnamese patients. Applied Soft Computing 134. <https://doi.org/10.1016/j.asoc.2022.109974>. ISI/SCI. IF=8.263.
- ✦ Tran Thu Ha Pham, Binh Tran Quang, Chi Hieu Chu, Thi Quynh Nga Do, Hoang Anh Nguyen, Van Dinh Nguyen, Thanh Huong Phung (2022) Allopurinol-induced severe cutaneous adverse reactions in Vietnamese people: the role of class I HLA alleles in the interaction with other risk factors. Pharmacogenomics, ISSN: 1744-8042, Doi: <https://doi.org/10.2217/pgs-2021-0156>. ISI. IF= 2.533.
- ✦ Tran Quang Thuyen, Dinh Hong Duong, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, Duong Tuan Linh, Pham Tran Phuong, Bui Thi Nhung & Tran Quang Binh* (2022) Incidence and prediction nomogram for metabolic syndrome in a middle-aged Vietnamese population: A 5-year follow-up study. Endocrine. <https://doi.org/10.1007/s12020-021-02836-5>. ISI/SCI. IF=3.633.
- ✦ Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Tran Quang Thuyen, Duong Tuan Linh, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc (2021) High incidence of type 2 diabetes in a population with normal range body mass index and individual prediction nomogram, Diabetic Medicine. e14680. <https://doi.org/10.1111/dme.14680>. ISIQ1. IF=4.359.

- ✚ Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Duong Tuan Linh, Tran Ngoc Luong, Le Danh Tuyen (2021) A simple nomogram for identifying individuals at high risk of undiagnosed diabetes in rural population. *Diabetes Research and Clinical Practice*. 180: 109061. <https://doi.org/10.1016/j.diabres.2021.109061>. ISIQ1. IF=5.602.
- ✚ Tran Quang Binh*, Duong Tuan Linh, Le Thi Kim Chung, Pham Tran Phuong, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, Tran Quang Thuyen, Do Dinh Tung, and Bui Thi Nhung (2021) *FTO*-rs9939609 Polymorphism Is a Predictor of Future Type 2 Diabetes: A Population-Based Prospective Study. *Biochemical Genetics*. <https://doi.org/10.1007/s10528-021-10124-0>. ISI. IF=1.89.
- ✚ Phan Le Thanh Huong , Pham Thu Hien , Nguyen Thi Phong Lan , Dao Minh Tuan, Dang Duc Anh , Tran Quang Binh* (2021) Clinical Patterns and Risk Factors for Pneumonia Caused by Atypical Bacteria in Vietnamese Children. *Indian Pediatrics*. Link <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/34390236/>. ISI. IF=1.411.
- ✚ Phung TH* Pham TTH, Tran QB*, Sukasem C, Nguyen VD, Chu CH, Do TQN, Tran NPM (2021) A novel nested allele-specific PCR protocol for the detection of the HLA-A*33:03, a SCAR-associated allele, in Vietnamese people. *Asian Pacific Journal of Allergy and Immunology*. doi: 10.12932/AP-201120-1000. ISI. IF=2.31.
- ✚ Nguyen Thi Hong Hanh, Bui Thi Nhung, Le Thi Hop, Le Thi Tuyet, Duong Thi Anh Dao, Nguyen Thi Trung Thu, Tran Quang Binh*. (2020) The APOA5-rs662799 polymorphism is a determinant of dyslipidemia in Vietnamese primary school children. *Lipids*. PMID: 32777089. DOI: 10.1002/lipd.12270. ISI. IF=1.80.
- ✚ Nguyen Thai Son, Vu Thi Thu Huong, Vu Thi Kim Lien, Do Thi Quynh Nga, Tran Thi Hai Au, Phung Thi Thu Hang, Ha Thi Nguyet Minh, Tran Quang Binh* (2020) Antimicrobial Resistance Profile and Molecular Characteristics of *Staphylococcus aureus* Isolates from Hospitalized Adults in Three Regions of Vietnam. *Japanese Journal of Infectious Diseases*. 73(3):193. ISI. IF= 1.265
- ✚ Tran Quang Binh*, Pham Tran Phuong, Nguyen Thanh Chung, Bui Thi Nhung, Do Dinh Tung, Tran Quang Thuyen, Duong Tuan Linh, Bui Thi Thuy Nga, Nguyen Anh Ngoc, and Le Danh Tuyen (2019) First Report on Association of Hyperuricemia with Type 2 Diabetes in a Vietnamese Population. *International Journal of Endocrinology*, vol. 2019, Article ID 5275071, 7 pages, 2019. <https://doi.org/10.1155/2019/5275071>. ISI. IF= 2.142
- ✚ Nguyen Thi Trung Thu, Tran Quang Binh* (2018) The Association Between The Gly972Arg Polymorphism in IRS1 Gene and The Risk of Prediabetes Among Vietnamese Women. *VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences*, 34(2):82-88.
- ✚ Tuyet Le Thi, Nhung Bui Thi, Dao Duong Thi Anh, Hanh Nguyen Thi Hong, Tuyen Le Danh, Binh Tran Quang*, and Thuc Vu Thi Minh (2017) The Brain-Derived Neurotrophic Factor Val66Met Polymorphism, Delivery Method, Birth Weight, and Night Sleep Duration as Determinants of Obesity in Vietnamese Children of Primary School Age. *Childhood Obesity*;13(5). Doi: <https://doi.org/10.1089/chi.2017.0007>. ISI. IF=2.558
- ✚ Tran Quang Binh, Nguyen Thi Trung Thu, Pham Tran Phuong, Bui Thi Nhung, Trinh Thi Hong Nhung (2015) *CDKN2A*-rs10811661 polymorphism, waist-hip ratio, systolic blood pressure, and dyslipidemia are the independent risk factors for prediabetes in a Vietnamese population. *BMC Genetics*. 16: 107. SCI, IF=2,4.

- ✦ Binh TQ, Phuong PT, Nhung BT and Tung DD (2014) Metabolic syndrome among a middle-aged population in the Red River Delta region of Vietnam. *BMC Endocrine Disorders* 14:77. SCIE, IF=1,71.
- ✦ Binh TQ, Phuong PT, Nhung BT, Thoang DD, Lien HT, Thanh DV (2013) Association of the common *FTO*-rs9939609 polymorphism with type 2 diabetes mellitus, independent of obesity-related traits in Vietnamese population. *Gene* 513:31-35. SCI, IF=2,08.
- ✦ Binh TQ, Phuong PT, Nhung BT, Thoang DD, Thang PV, Long TK, Thanh DV (2012) Prevalence and correlates of hyperglycemia in a rural population, Vietnam: implications from a cross-sectional study. *BMC Public Health* 12(1):939. SCIE, IF=2,26.
- ✦ Binh TQ, Nakahori Y, Hien VT, Khan NC, Lam NT, Mai le B, Yamamoto S (2011) Correlations between genetic variance and adiposity measures, and gene-gene interactions to overweight and obesity in postmenopausal Vietnamese women. *Journal of Genetics* 90(1):1-9. SCI, IF=1,09.

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

- * Mã ORCID: <https://orcid.org/0000-0003-3520-2131>
- * H-index: 15
- * Số lượt trích dẫn: 691

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: tiếng Anh
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: tốt

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Quang Bình

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSOR TITLE

- Pursuant to Decision № 174/2008/QĐ-TTg dated December 31, 2008 and Decision № 20/2012/QĐ-TTg dated April 27, 2012 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
- Pursuant to Resolution № 01/2016/NQ-HĐCĐGSNN dated October 08, 2016 by the State Council for Professor Title,

CONFERS
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION

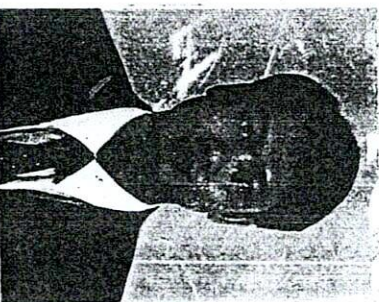
Upon: *Mr. Tran Quang Binh*

Born on: *January 14, 1972*

In: *Duc Tho, Ha Tinh*

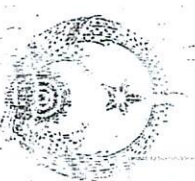
for having met the standards of associate professor title

in: **Medicine**



Given under the Seal
of the State Council for Professor Title

PHÒNG CÔNG CHỨNG	Ngày	16-03-2021
CHỖ THỰC DẠY	Số công chứng	7400



BẢN SÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Gần cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 và Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐCĐGSNN ngày 08/10/2016 của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước,

CÔNG NHẬN

ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Ngành: Y học

Cho: *Ông Trần Quang Bình*

Sinh ngày *14* tháng *01* năm *1972*

Quê quán: *Duc Tho, Ha Tinh*



Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2016

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số: *04044*/PGS CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Duy Ninh

THE UNIVERSITY OF TOKUSHIMA
GRADUATE SCHOOL

THIS CERTIFIES THAT

TRAN QUANG BINH

OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

BORN ON JANUARY 14, 1972

HAVING FULFILLED ALL REQUIREMENTS FOR THE DEGREE OF

DOCTOR

OF

PHILOSOPHY

(MEDICAL SCIENCE)

HAS BEEN AWARDED THAT DEGREE ON THIS DAY,

MARCH 23, 2009

(THIS IS AN OFFICIAL PROOF FOR THE ISSUE OF THE JAPANESE ORIGINAL)

DIPLOMA NO 959

UNIVERSITY SEAL



TOSHIO MATSUMOTO
DEAN

TOSHIHIRO AONO
PRESIDENT

MARCH 23, 2009

DATE OF ISSUANCE

学位記

甲種第959号

ベトナム社会主義共和国

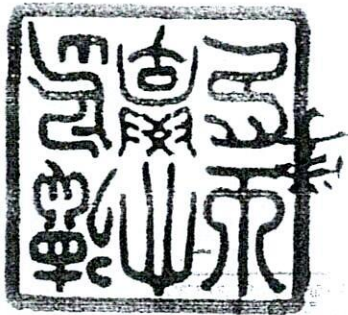
TRAN QUANG BINH

1972年1月14日生

本学大学院医科学教育部プロテオミス
医科学専攻の博士課程において所定の
単位を修得し学位論文の審査
及び最終試験に合格したのて博士
(医学)の学位を授与する

平成21年3月23日

徳島大



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2016

CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CÔNG NHẬN

Văn bằng số: 959

Ngày cấp: 23/3/2009

Do: Trưởng Đại học Tokushima, Nhật Bản

Cấp cho: Trần Quang Bình

Ngày sinh: 14 tháng 01 năm 1972

Nơi sinh: Hà Nội

Là bằng tốt nghiệp: Tiến sĩ

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 17 tháng 5 năm 2016

CỤC TRƯỞNG



Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số: 010429/LN/18. TS

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSOR TITLE

Pursuant to Decision N° 174/2008/QĐ-TTg dated December 31,
2008 and Decision N° 20/2012/QĐ-TTg dated April 27, 2012 by
the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
Pursuant to Resolution N° 01/2016/NQ-HĐCĐ-GSNN dated
October 03, 2016 by the State Council for Professor Title,

CONFERES
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION

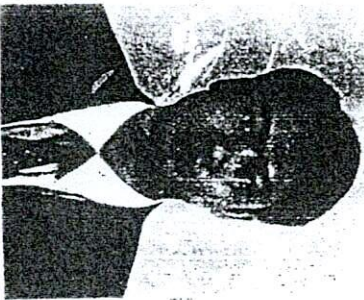
Upon: *Mr. Thuan Luuung Binh*

Born on: *January 14, 1972*

In: *Duc Thua, Hoa Binh*

for having met the standards of associate professor title

in: *Medicine*



Given under the Seal
of the State Council for Professor Title



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 và Quyết
định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ,
Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐCĐ-GSNN ngày 03/10/2016
của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước,

CÔNG NHẬN

ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Ngành: *Y học*

Cho: *Ông Thuan Luuung Binh*

Sinh ngày *14* tháng *01* năm *1972*

Quê quán: *Đức Thua, Hòa Bình*



Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số: *04044/PGS* CÔNG ĐỒNG Y HỌC